

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/KDTM-ST
Ngày: 27 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế -
mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu;
2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2022/TLST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế - mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 375/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH thiết bị điện S VN (Công ty S);

Trụ sở: Đường số 10, KCN N, xã N3, huyện B, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo pháp luật: Ông LU WAN SH, chức danh: Phó Chủ tịch công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh Th, chức vụ: Pháp lý;

Nơi ở hiện tại: Tổ 14, KP5, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại thiết bị điện NP (Công ty NP);

Trụ sở: Số 146 đường T, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đoàn Thanh Nh, chức vụ: Giám đốc.

Tại phiên tòa, bà Th đại diện cho nguyên đơn có mặt, ông Nh đại diện cho bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, Công ty S do bà Trần Thị Thanh Th đại diện trình bày:

Công ty S và Công ty NP có ký kết Hợp đồng mua bán máy biến áp số 090/21 HĐKT ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng ngày 26 tháng 5 năm 2021 với thỏa thuận Công ty S bán cho Công ty NP 01 máy biến thế trong dầu và 01 máy biến áp dầu với tổng giá trị: 245.987.720 đồng. Hai bên thỏa thuận với nhau sẽ thanh toán 30% giá trị hợp đồng trước khi giao hàng và thanh toán 70% giá trị hợp đồng sau khi giao hàng 30 ngày. Công ty S đã thực hiện bàn giao hàng hóa theo thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty NP vào ngày 26 tháng 5 năm 2022. Công ty NP đã thanh toán được 30% giá trị hợp đồng là 73.796.316 đồng, sau đó thì không thanh toán nữa. Sau nhiều lần Công ty S yêu cầu trả nợ thì Công ty NP vẫn không thực hiện nghĩa vụ, vì vậy Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty NP phải trả: Số tiền hàng còn nợ là 172.191.404 đồng; Tiền phạt vi phạm hợp đồng: $172.191.404 \text{ đồng} \times 8\% = 13.775.312 \text{ đồng}$. Tiền lãi chậm thanh toán của 09 tháng từ ngày 27 tháng 6 năm 2021 đến ngày 27 tháng 3 năm 2022 là: $172.191.404 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 12.914.355 \text{ đồng}$. Do các bên không có thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán trong hợp đồng, nhưng vì Công ty NP chậm trả tiền gây thiệt hại cho Công ty S, nên Công ty S vẫn yêu cầu Công ty NP phải trả tiền lãi chậm thanh toán và tạo điều kiện chỉ yêu cầu tính lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, không yêu cầu tính lãi theo Điều 306 Luật Thương mại, và chỉ yêu cầu tiền lãi của 09 tháng như nêu trên. Tổng cộng số tiền yêu cầu Công ty NP phải trả là: 198.881.072 đồng.

Bị đơn Công ty NP: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Th đại diện cho nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày trong quá trình hòa giải. Bị đơn do ông Nguyễn Đoàn Thanh Nh đại diện: vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền bán hàng hoá phát sinh trong quá trình kinh doanh có lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng kinh tế - mua bán hàng hoá” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ kinh doanh của bị đơn tại thời điểm các bên xác lập Hợp đồng kinh tế. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Công ty S căn cứ vào Hợp đồng kinh tế ngày 19 tháng 3 năm 2021, Phụ lục của hợp đồng số: 090/21-HĐKT ngày 26 tháng 5 năm 2021, Văn bản ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc xác nhận số liệu kiểm toán do Công ty S và Công ty NP cùng ký kết; Công văn gia hạn thanh toán số 02/CV-NP ngày 16 tháng 9 năm 2021 và Công văn gia hạn thanh toán số 02/CV-NP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Công ty NP để khởi kiện yêu cầu Công ty NP phải thanh toán số tiền còn nợ do giao dịch mua bán máy biến thế và máy biến áp là 172.191.404 đồng và tiền lãi chậm thanh toán, tiền phạt vi phạm hợp đồng.

[3.2] Xét thấy:

[3.2.1] Hợp đồng kinh tế ngày 19 tháng 3 năm 2021, Phụ lục của hợp đồng số: 090/21-HĐKT ngày 26 tháng 5 năm 2021 các bên ký kết đảm bảo quy định của pháp luật về hình thức, nội dung, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hàng hóa được các bên thỏa thuận mua bán không thuộc danh mục hàng hóa cấm buôn bán. Bị đơn Công ty NP không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không trình bày ý kiến về việc xác lập các hợp đồng. Thể hiện các bên tự nguyện và không bị lừa dối hay ép buộc ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng nêu trên. Vì vậy, các bên đã xác lập giao dịch mua bán hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên.

[3.2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng hóa, Công ty NP đã nhận hàng hóa mua bán. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ hàng hóa mua bán, Công ty NP lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn như các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế và Phụ lục hợp đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty S cung cấp nêu trên thể hiện ông Nguyễn Đoàn NP là người đại diện theo pháp luật của Công ty NP vào thời điểm thực hiện giao dịch đều có ký tên, đóng dấu xác nhận vào các Hợp đồng, Phụ

lục hợp đồng, Văn bản xác nhận số liệu kiểm toán, Công văn gia hạn thanh toán; những tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện Công ty NP còn nợ Công ty S số tiền 172.191.404 đồng như Công ty S trình bày. Ngày 16 tháng 9 năm 2021 và ngày 20 tháng 12 năm 2021, Công ty NP đều có văn bản thừa nhận số tiền còn nợ Công ty S như nêu trên và cam kết trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty NP cũng như người đại diện theo pháp luật đều không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ về việc giải quyết vụ án, phản bác ý kiến của Công ty S. Do đó, yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về lãi chậm thanh toán: Khi khởi kiện nguyên đơn yêu cầu trả lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, không yêu cầu tính lãi theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 27 tháng 6 năm 2021 đến ngày 27 tháng 3 năm 2022. Bị đơn không trình bày ý kiến tranh chấp về mức lãi suất, việc trả lãi. Xét thấy: Tại Hợp đồng kinh tế ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng ngày 26 tháng 5 năm 2021, các bên đều không thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán. Công ty NP đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận về phương thức thanh toán quy định tại Điều 6 của Hợp đồng kinh tế ngày 19 tháng 3 năm 2021; việc yêu cầu gia hạn thời gian thanh toán của Công ty NP cũng không được Công ty S chấp nhận. Vì vậy, Công ty NP phải chịu lãi đối với số tiền chậm thanh toán. Việc Công ty S chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và chỉ trong 09 tháng là có lợi cho bị đơn. Do đó, yêu cầu về lãi chậm thanh toán được chấp nhận, cụ thể: Tiền lãi chậm thanh toán của 09 tháng từ ngày 27 tháng 6 năm 2021 đến ngày 27 tháng 3 năm 2022 là: $172.191.404 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 12.914.355 \text{ đồng}$.

[3.4] Về phạt vi phạm hợp đồng: Tại Điều 7 của Hợp đồng kinh tế ngày 19 tháng 3 năm 2021, các bên đều thống nhất thỏa thuận về việc phạt vi phạm hợp đồng “Bên A (Công ty NP) có trách nhiệm nhận hàng đúng theo thỏa thuận về thời hạn, nếu bên A nhận hàng không đúng tiến độ (1 ~ 3 ngày) hoặc không thanh toán đúng thời gian đã cam kết thì bên An sẽ bị phạt 0.5% giá trị hợp đồng bị vi phạm/tuần nhưng không được vượt quá 8% tổng giá trị hợp đồng bị vi phạm”. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 300 Luật Thương mại năm 2005. Vì vậy, yêu cầu về việc phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn là 8% trên tổng số tiền bị đơn còn nợ là có cơ sở để chấp nhận, cụ thể: $72.191.404 \text{ đồng} \times 8\% = 13.775.312 \text{ đồng}$

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty NP có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền tổng cộng là 198.881.072 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty S không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Công ty NP phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 180, 227, 228, 235, khoản 1 Điều 244, các Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 24, 25, 50, 55, 300 Luật Thương mại năm 2005.
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thiết bị điện S VN đối với Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại thiết bị điện NP.

Buộc Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại thiết bị điện NP có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH thiết bị điện S VN số tiền tổng cộng là: 198.881.072 đồng (một trăm chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi một nghìn không trăm bảy mươi hai đồng), gồm: tiền nợ gốc là 172.191.404 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu một trăm chín mươi một nghìn bốn trăm linh bốn đồng); tiền lãi chậm thanh toán là 12.914.355 đồng (mười hai triệu chín trăm mười bốn nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng); tiền phạt vi phạm hợp đồng là 13.775.312 đồng (mười ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại thiết bị điện NP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.944.000 đồng (chín triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Công ty TNHH thiết bị điện S VN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.972.000 đồng (bốn triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001270 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang